

Bản án số: **120/2018/DSST**
Ngày: 13/9/2018

V/v tranh chấp: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**.

2. Ông **Dương Trần Trọng Quang**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Truyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **13** tháng **9** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2017/TLST-DS ngày 26/12/2017 về tranh chấp: “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST-DS ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 9A, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 9A, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Ngọc D**, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Ngọc D, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1956. (xin vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1961. (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 11, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1970. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 9A, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 25/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Nguyễn Thị S; đơn yêu cầu độc lập

ngày 30/3/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Lê Văn H cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 1993, ông Nguyễn Thanh T cầm cố phần diện tích 2.000m² đất ruộng tọa lạc tại ấp 9A, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với số vàng là 13 chỉ vàng 24K cho ông Lê Văn H. Ông Nguyễn Thanh T đã nhận đủ vàng và ông Lê Văn H nhận đất canh tác, thời hạn thỏa thuận cầm cố là 02 năm từ năm 1993 đến năm 1996

Năm 1994 ông Nguyễn Thanh T có cho ông Nguyễn Văn N canh tác 12 công đất ruộng tại Vĩnh Châu A, tỉnh Long An, hai năm sau đến khi làm thủ tục chuyển tên thì ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả 24 chỉ vàng 24K, ông Nguyễn Văn N đã giao cho ông T 10 chỉ vàng 24K, còn lại 14 chỉ vàng 24K thì ông Năm đề nghị ông T nhận chuyển nhượng của ông Năm phần đất diện tích 1.000m² để trừ 14 chỉ vàng còn lại nhưng ông T không đồng ý, đến năm 1996 ông Nguyễn Văn N chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị S phần đất diện tích 1.000m² tọa lạc tại ấp 9A, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với giá 13 chỉ vàng 24K. Khi bà Nguyễn Thị S trả vàng chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn N thì ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị S giao vàng cho ông Nguyễn Thanh T để trừ vào 14 chỉ vàng ông Nguyễn Văn N nợ ông Nguyễn Thanh T chuyển nhượng đất tại Long An. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị S giao vàng cho ông Nguyễn Thanh T theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn N thì ông T lại yêu cầu bà Nguyễn Thị S giao 13 chỉ vàng 24K cho ông Lê Văn H để chấm dứt việc thỏa thuận cầm cố đất ruộng giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn H. Do đó, bà Nguyễn Thị S giao cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng và ông H giao cho bà Nguyễn Thị S giấy cầm cố đất giữa ông T với ông H. Đồng thời, ông Nguyễn Thanh T cũng nhận lại đất canh tác. Việc thỏa thuận khấu trừ 13 chỉ vàng 24K giữa ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn H không có lập văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng.

Năm 2012, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thế H khởi kiện bà Nguyễn Thị S tranh chấp phần diện tích 1.000m² mà ông Nguyễn Văn N chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị S vào năm 1996 với giá 13 chỉ vàng với lý do ông Nguyễn Văn N cho bà Nguyễn Thị S ở nhờ và yêu cầu hủy tờ sang nhượng đất vườn lập ngày 11/01/1996, đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị S cùng các con trả cho ông Năm diện tích 1.000m². Tại bản án sơ thẩm số 100/2012/DSST ngày 04/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thế H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả 1.000m² đất. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thế H kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 577/2012/DSPT ngày 19/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận kháng cáo của ông Năm, bà Hương và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 100/2012/DSST ngày 04/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thế H cho rằng bản án số 100/2012/DSST ngày 04/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy và bản án phúc thẩm số 577/2012/DSPT ngày 19/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả 1.000m² đất nhưng không buộc bà Nguyễn Thị S trả 13 chỉ vàng 24K cho vợ chồng ông bà, nên

năm 2013 ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thế H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả 13 chỉ vàng 24K chuyển nhượng đất chưa thanh toán.

Tại bản án số 264/2013/DSST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã quyết định buộc bà Nguyễn Thị S trả 13 chỉ vàng 24K cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế H. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị S kháng cáo không đồng ý trả cho ông Năm, bà Hương 13 chỉ vàng 24K vì bà S cho rằng giữa bà, ông Năm, ông T và ông H đã thỏa thuận khấu trừ xong. Tại bản án phúc thẩm số 161/2014/DSPT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hiện nay bà Nguyễn Thị S đã thi hành án xong quyết định của bản án phúc thẩm.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị S cho rằng trước đây bà đã đưa cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K vàng chuyển nhượng đất, nay Tòa án buộc bà trả tiếp cho ông Nguyễn Văn N 13 chỉ vàng 24K nữa. Do đó, bà Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H trả cho bà 13 chỉ vàng 24K ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Lê Văn H có yêu cầu độc lập với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T yêu cầu ông T trả cho ông 13 chỉ vàng 24K.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế H và Nguyễn Thanh T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S cũng như yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Văn H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị S và bị đơn Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Văn H trình bày: bà Nguyễn Thị S, ông Lê Văn H và ông Nguyễn Thanh T trình bày thống nhất nhau về việc bà Nguyễn Thị S giao cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K là cản trở nghĩa vụ của ông Năm, bà S, ông T. Việc thỏa thuận đã thực hiện xong. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn N không thừa nhận việc thỏa thuận này nên đã khởi kiện bà Nguyễn Thị S yêu cầu trả 13 chỉ vàng và đã được bản án sơ thẩm, phúc thẩm chấp nhận đồng thời bà Nguyễn Thị S cũng đã thi hành xong. Bà Nguyễn Thị S căn cứ vào 02 bản án để khởi kiện ông H yêu cầu trả 13 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, ông H đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S 13 chỉ vàng 24K. Ông Nguyễn Thanh T thỏa thuận cầm cố 2.000m² đất cho ông H để lấy 13 chỉ vàng 24K, ông H đã trả đất và giao biên nhận cho bà Nguyễn Thị S, việc ông H đồng ý trả 13 chỉ vàng 24K cho bà S thì xem như ông T chưa trả vàng cho ông H nên yêu cầu của ông H khởi kiện ông T yêu cầu trả 13 chỉ vàng 24K là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Văn H và buộc ông Nguyễn Thanh T trả cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền,

xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, buộc ông Lê Văn H trả cho bà Nguyễn Thị S 13 chỉ vàng 24K, đồng thời chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, buộc ông Nguyễn Thanh T trả cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K. Ông Lê Văn H, ông Nguyễn Thanh T nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N, Nguyễn Thế H, Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Năm, bà Hương và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị S đối với bị đơn Lê Văn H và yêu cầu độc lập của bị đơn Lê Văn H đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T:

[2.1] Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị S tại bản tự khai, đơn khởi kiện (bút lục 21, 22), biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (bút lục 84-85), biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (bút lục 86-87); bản tự khai ngày 28/10/2013 của bà Nguyễn Thị S (bút lục 89-90) thể hiện bà Nguyễn Thị S giao cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K để cản trừ nghĩa vụ của bà với ông Nguyễn Văn N, nghĩa vụ của ông Năm với ông T, nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T với ông Lê Văn H.

[2.2] Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy (bút lục 92-93), ông Nguyễn Thanh T thừa nhận bà Nguyễn Thị S giao cho ông Lê Văn H 13 chỉ vàng 24K là khấu trừ nghĩa vụ của bà S với ông Năm, của ông Năm đối với ông, nghĩa vụ của ông đối với ông Lê Văn H.

[2.3] Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai của ông H (bút lục 69-70) bản tự khai của ông Lê Văn H (bút lục 94) thừa nhận có nhận của bà Nguyễn Thị S 13 chỉ vàng 24K để cản trừ nghĩa vụ giao vàng của ông T đối với ông. Sau khi nhận đủ 13 chỉ vàng 24K ông đã giao cho bà S giấy cầm cố đất giữa ông và ông T, đồng thời giao lại cho ông T quản lý canh tác 2.000m² đất ruộng.

[2.4] Ông Nguyễn Văn N cho rằng bà Nguyễn Thị S chưa thực hiện nghĩa vụ giao 13 chỉ vàng 24K, nên ông Nguyễn Văn N đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả 13 chỉ vàng 24K.

[2.5] Việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ giữa ông Năm, bà S, ông T và ông H được xác lập vào năm 1996 nhưng không được lập thành văn bản theo quy

định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 1995 và bà Nguyễn Thị S không chứng minh được có sự thỏa thuận cầm giữ vụ giữa bà với ông Năm, ông T và ông H, nên bản án số 264/2013/DSST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy (bút lục 52-53) và bản án phúc thẩm số 161/2014/DSPT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (bút lục 43-45) đã xử buộc bà Nguyễn Thị S trả cho ông Nguyễn Văn N 13 chỉ vàng 24K. Bà Nguyễn Thị S đã thi hành xong bản án phúc thẩm.

[2.6] Bà Nguyễn Thị S không phải là người có nghĩa vụ với ông Lê Văn H nhưng đã giao cho ông H 13 chỉ vàng 24K; việc thỏa thuận giữa bà, ông T và ông H cũng không lập thành văn bản theo quy định, nên bà Nguyễn Thị S khởi kiện ông Lê Văn H đòi 13 chỉ vàng 24K, là có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa ông Lê Văn H đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S 13 chỉ vàng 24K.

[2.7] Ông Lê Văn H và ông Nguyễn Thanh T thỏa thuận cầm cố diện tích 2.000m² đất ruộng với 13 chỉ vàng 24K, ông H đã giao cho ông T quản lý, sử dụng đất nhưng ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả vàng cho ông H, nên cần buộc ông T trả cho ông H 13 chỉ vàng 24K, là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Văn H là phù hợp, nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là có căn cứ.

[5] Về án phí: Tại thời điểm xét xử, lấy giá vàng 24K là 3.468.000 đồng/chỉ vàng 24K làm căn cứ tính án phí.

Ông Lê Văn H phải nộp 2.254.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp số tiền 1.137.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15426 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 1.116.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 2.254.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 163 và 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.
 - Buộc ông Lê Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị S 13 (Mười ba) chỉ vàng 24K.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bị đơn Lê Văn H.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T trả cho ông Lê Văn H 13 (Mười ba) chỉ vàng 24K.

3. Về án phí: Ông Lê Văn H phải nộp 1.116.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 2.254.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị S số tiền 1.137.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15126 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị S, ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thế H và ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm